

Ngày 31/12/2025	17,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.3%	5.6%	-1.7%

2025	
ROE	3.8%
	+/- YoY ▲ 2.4%

Q4/25	
DT thuần	688
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 27.0 ▲ 4.1%
	YoY ▲ 162 ▲ 30.8%

2025	
DT thuần	2,385
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 469 ▲ 24.5%

Q4/25	
LN gộp	124
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 1.00 ▼ 0.5%
	YoY ▲ 41.2 ▲ 50.2%

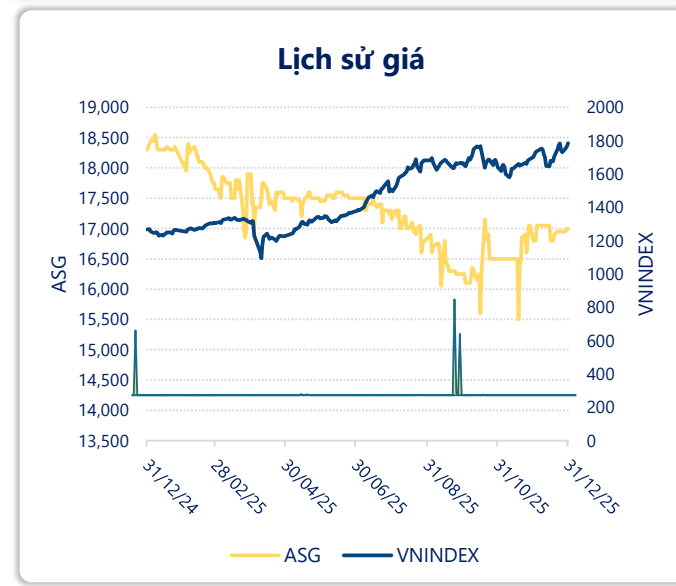
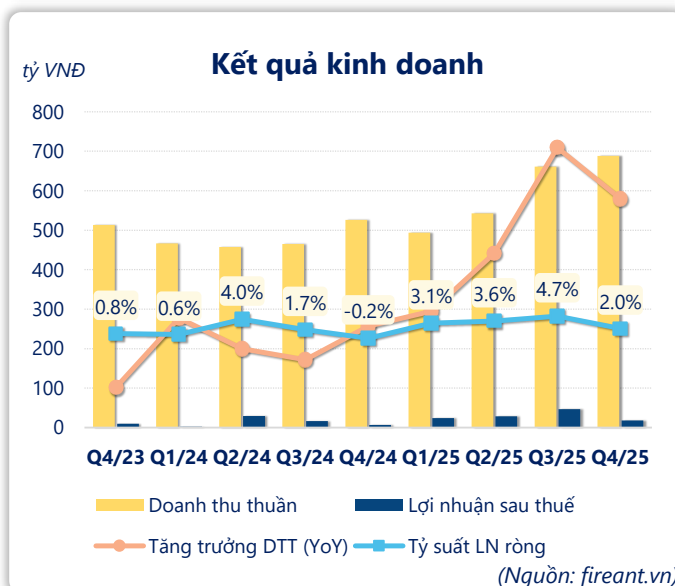
2025	
LN gộp	430
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 125 ▲ 41.1%

Q4/25	
LN thuần	26.0
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 31.7 ▼ 54.9%
	YoY ▲ 14.4 ▲ 125%

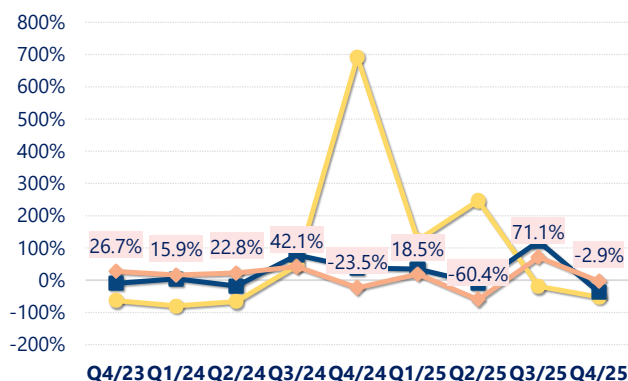
2025	
LN thuần	149
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 70.1 ▲ 88.3%

Q4/25	
LN sau thuế	18.2
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 28.2 ▼ 60.8%
	YoY ▲ 11.8 ▲ 185%

2025	
LN sau thuế	117
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 63.5 ▲ 119%



Tăng trưởng lợi nhuận

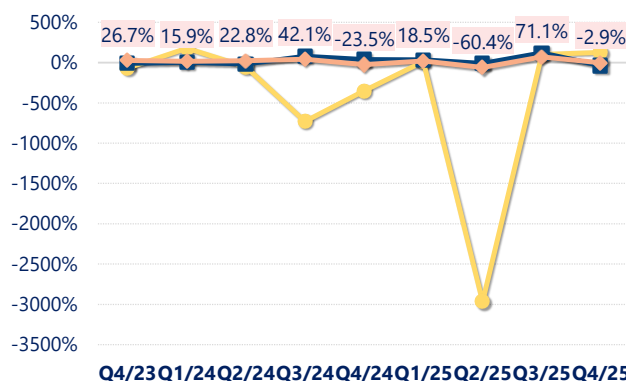


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

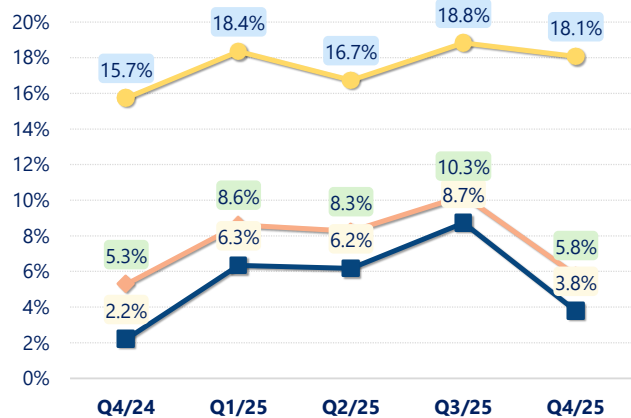


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

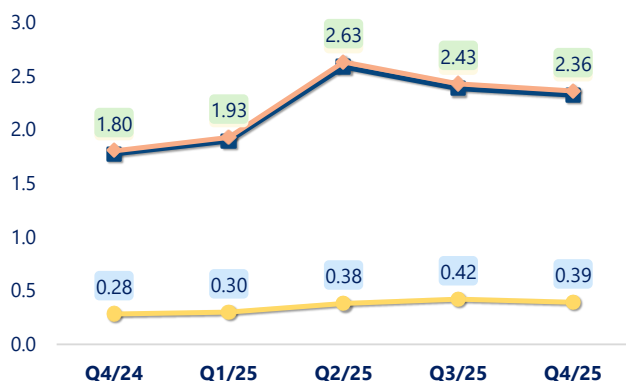


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

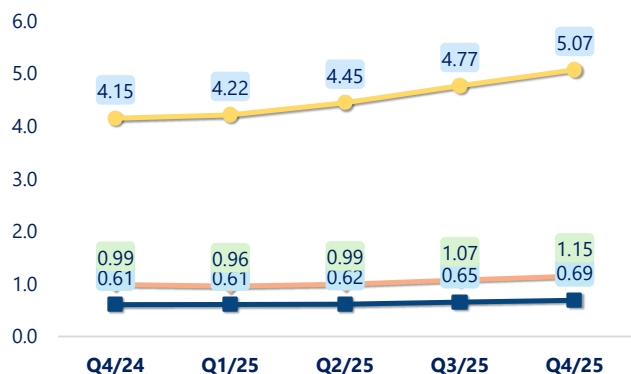


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

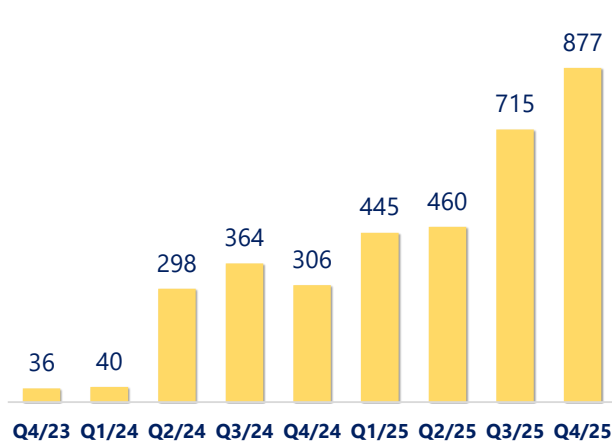


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	688	526	30.8%	2,385	1,916	24.5%
Giá vốn hàng bán	564	443	27.2%	1,955	1,611	21.4%
Lợi nhuận gộp	124	82.8	50.2%	430	305	41.1%
Doanh thu HĐTC	9.11	7.88	15.6%	52.4	48.8	7.5%
Chi phí TC	14.4	12.8	12.6%	57.8	54.5	6.1%
Chi phí lãi vay	12.6	12.7	-1.0%	49.4	52.7	-6.3%
LN trong công ty LKLD	0.38	-1.35	128%	-8.24	-3.93	-110%
Chi phí bán hàng	3.94	4.75	-17.0%	20.2	17.5	15.7%
Chi phí QLDN	89.4	60.2	48.6%	248	199	24.6%
LN thuần từ HĐKD	26.0	11.6	125%	149	78.9	88.3%
Lợi nhuận khác	1.24	3.52	-64.9%	-2.98	-0.76	-290%
LN trước thuế	27.3	15.1	80.7%	146	78.1	86.4%
Lợi nhuận sau thuế	18.2	6.39	185%	117	53.5	119%
LNST của CĐ cty mẹ	13.6	-1.08	1361%	79.6	28.0	184%

(Nguồn: fireant.vn)

